

Số: 1606 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật ngân sách Nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/2/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Tờ trình số 443/TTr-NHCS ngày 26/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

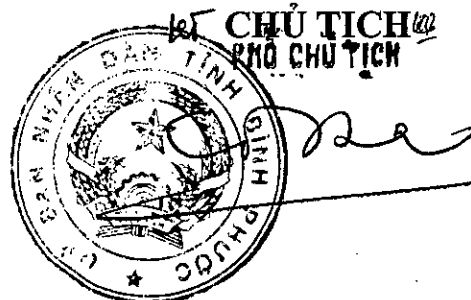
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.



Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính; Lao động - Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU; TT.HỆND tỉnh;
- Tổng Giám đốc NHCSXH;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 2;
- LĐVP, Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT(qđ061-17).



Nguyễn Tiến Dũng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác
(Kèm theo Quyết định số .1606../QĐ-UBND ngày 29 / 6 /2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH tỉnh (cấp huyện) để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn: Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) ... các sở, ban ngành khác, tổ chức, cá nhân có liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện).

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hằng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 9 của Quy định này.

**Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương

1. Hằng năm, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND cấp tỉnh (cấp huyện) cân đối nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh (cấp huyện) trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (cấp huyện) phê duyệt, ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

2. Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay khác phù hợp với thực tế của địa phương.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

Quy định về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay được thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế của địa phương.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác;

c) Trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Trong đó:

- Trích tối đa không quá 9% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp;

- Trích tối đa không quá 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính;

- Trích tối đa không quá 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Quy định này do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể:

- Đối với chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) thực hiện theo quy định hiện hành về quy chế quản lý tài chính của NHCSXH.

- Đối với chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp số lãi thực thu không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan thì cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương bù đắp theo đúng quy định.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND các cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện), Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và ngân sách huyện ủy thác cho NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH;

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương;

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy chế này;

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện):

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Định kỳ hằng năm báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 30/01 của năm sau.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã trực thuộc tỉnh

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này;

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của người vay

a) kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 14. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Các văn bản trước đây về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn địa phương ủy thác qua NHCSXH hết hiệu lực thi hành./.



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Nguyễn Tiến Dũng